TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2018
V/v *ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Hường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Văn Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Ngô Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLST–HNGĐ ngày 18/10/2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, có mặt.
Địa chỉ: Số H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông H và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/5/1996 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay xã C, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk). Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan hệ vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, bố bà T thường xuyên gây chuyện với tôi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Quá trình sống chung chúng tôi có 03 con chung là Nguyễn Thị Thục N sinh ngày 16/8/1997, Nguyễn Quang L, sinh ngày 14/3/1999 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/3/2005. Ông H có nguyện vọng giao con chung

Nguyễn Quang H cho bà T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung ông H không yêu cầu giải quyết. Riêng 02 con chung là Nguyễn Thị Thục N sinh ngày 16/8/1997, Nguyễn Quang L, sinh ngày 14/3/1999 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông H không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bà T cố tình trốn tránh không tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ về tình trạng hôn nhân của ông H, bà T như sau: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau tại thôn T, xã C, thị xã Buôn H, Đắk Lắk. Quá trình chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và ông H, bà T đã ly thân từ lâu.

Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ thì hiện nay con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/3/2005 đang sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Thu T, do bà T không đồng ý ly hôn nên Toà án không tiến hành lấy lời khai của cháu H được.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông H ly hôn với bà T, về con chung giao con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/3/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (Tròn 18 tuổi) .

Tại phiên toà nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/5/1996 tại UBND xã C, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[2] ***Về nội dung tranh chấp***:

Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Ông H và bà T kết hôn với nhau ngày 16/5/1996, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và ông H, bà T đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H yêu cầu được ly hôn với bà T cơ bản phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, biên bản hoà giải và phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[3] ***Về con chung:*** Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung Nguyễn Thị Thục N, sinh ngày 16/8/1997, Nguyễn Quang L, sinh ngày 14/3/1999 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/3/2005. Xét nguyện vọng của ông H giao con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/3/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi) là phù hợp với biên bản xác minh ngày 27/3/2018 là hiện nay con chung đang sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Thu T. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Đối với 02 con chung là Nguyễn Thị Thục N sinh ngày 16/8/1997, Nguyễn Quang L sinh ngày 14/3/1999 đã đủ tuổi trưởng thành và ông H không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[4] ***Về tài sản và công nợ chung:*** Ông H không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] ***Về án phí:*** Ông Nguyễn Xuân H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-*Về hôn nhân*: Cho ông Nguyễn Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

-*Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/3/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (Tròn 18 tuổi), về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết. Đối với 02 con chung là Nguyễn Thị Thục N sinh ngày 16/8/1997, Nguyễn Quang L sinh ngày 14/3/1999 đã đủ tuổi trưởng thành và các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Ông H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

-*Về tài sản và công nợ chung:* Ông H không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000998, ngày 17/10/2017 đã nộp tại cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Cư Bao;
- THA DS thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hường